

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 10 - 2023

“V/v ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu và Ông Mai Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Thử - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa công khai xét xử vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2966/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4119/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989, địa chỉ: **Thôn N, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Lê Quốc H**, sinh ngày 04/9/1985; Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: **Thôn N, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**; hiện đang cư trú: **N district, T1 city (Đài Loan)**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 23/12/2022, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị T** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Lê Quốc H** có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2010 tại **Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung tại nhà chồng ở **thôn N, xã Q, thành phố Đ**. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp mọi thứ trong cuộc sống, vợ chồng không thấu hiểu và cảm thông cho nhau. Mặc dù vợ chồng cố gắng hàn gắn tình cảm vì con nhưng từ năm 2016 anh **H** sang Đài Loan làm việc đến nay không về, một mình chị phải nuôi con, anh **H** thỉnh thoảng có điện thoại về hỏi thăm

con và gửi tiền về cho con. Chị **T** đã thông báo cho anh **H** việc ly hôn, anh **H** cũng đồng ý ly hôn. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của hai người không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị **T** làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Lê Quốc H**.

- *Về quan hệ con chung*: Chị **Nguyễn Thị T** trình bày vợ chồng có 01 con chung cháu **Lê Ánh V**, sinh ngày 13/10/2011 hiện cháu đang sống cùng mẹ. Nguyên vọng chị **T** sau khi ly hôn mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **V**, yêu cầu anh **Lê Quốc H** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Chị **Nguyễn Thị T** trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về phía bị đơn anh **Lê Quốc H***: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã có văn bản số 3108/TAND-CV ngày 29/12/2023 gửi cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài là Văn phòng Kinh tế - Văn hóa **Việt Nam tại Đ** để thực hiện việc tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình cho anh **Lê Quốc H**. Tuy nhiên đến nay Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình không nhận được kết quả tổng đạt văn bản tố tụng đối với anh **H**. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tiến hành thông báo qua kênh phát thanh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của **Đ** (VOV5) thông báo cho anh **H** 03 lần trong 03 ngày liên tiếp về các nội dung liên quan đến việc chị **Nguyễn Thị T** xin ly hôn anh **Lê Quốc H** và thời gian mở phiên họp hòa giải, phiên tòa.

Ngày 10/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được bản tự khai của anh **Lê Quốc H** gửi cho Tòa án qua đường bưu chính nhưng không có xác nhận của cơ quan đại diện **Việt Nam tại Đ**, có đóng dấu nơi đi của cơ quan bưu chính tại Đài Loan (TAIWAN). Bản tự khai anh **H** gửi cho Tòa án có nội dung: về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng yêu nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2010 tại **UBND xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh được 01 người con. Khi chung sống vợ chồng không hòa hợp mọi thứ, vợ chồng không thấu hiểu và thông cảm cho nhau. Năm 2016 anh đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan làm ăn đến nay không về vì điều kiện kinh tế còn khó khăn. Hiện tại mỗi người ở một nơi nên anh nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn; Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung **Lê Ánh V**, sinh ngày 13/10/2011 hiện đang sống cùng mẹ và bà ngoại, sau khi ly hôn anh đồng ý để chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng con vì hiện nay anh đang ở nước ngoài, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo điều kiện kinh tế; Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hiện nay anh đang ở nước ngoài không thể có mặt tại Tòa án được, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại biên bản xác minh ngày 28/8/2023 của Tòa án đối với thân nhân của bị đơn anh **Lê Quốc H** tại **thôn N, xã Q, thành phố Đ**, thì bố anh **H** (đã chết), mẹ anh **H**

là bà **Trần Thị Thanh T2** không sinh sống tại địa phương, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

* Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 15/11/2022 của cháu **Lê Ánh V**, cháu **V** trình bày hiện đang sống cùng mẹ và nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị **Nguyễn Thị T** có đơn đề nghị xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh **Lê Quốc H** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Việc thu thập chứng cứ đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị **T** có đơn đề nghị xử vắng mặt, anh **Lê Quốc H** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị T**, xử cho chị **T** được ly hôn anh **Lê Quốc H**; về con chung: xử giao cháu **Lê Ánh V**, sinh ngày 13/10/2011 cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 10/2023 cho đến khi con chung trưởng thành 18 tuổi; về tài sản và nợ chung: đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự đã được thẩm tra và ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị **Nguyễn Thị T** có đơn yêu cầu xin ly hôn anh **Lê Quốc H** đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan, đây là vụ án có bị đơn là công dân Việt Nam nhưng đang cư trú và làm việc tại nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp, theo phương thức tổng đạt đến cơ quan Văn phòng Kinh tế - Văn hóa **Việt Nam tại Đ** theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng không có kết quả. Tòa án đã thông báo qua kênh **Đ** (VOV5) và đăng trên cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo khoản 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng

bị đơn vắng mặt lần thứ hai, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228, 238 và điểm b, c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo luật định.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Lê Quốc H** có tìm hiểu nhau và tự nguyện đến UBND xã **Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình** đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2010 tại Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2010 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, năm 2016 anh **Lê Quốc H** sang Đài Loan làm ăn, sinh sống từ đó đến nay không về, một mình chị **T** phải nuôi con nhỏ. Giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, do thiếu sự tin tưởng trong tài chính kinh tế, tình cảm. Hai bên ít quan tâm nhau, nay chị **T** kiên quyết xin được ly hôn anh **Lê Quốc H**, còn anh **H** có bản tự khai mặc dù không có xác nhận của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nhưng phong bì có ghi nơi gửi có dấu của cơ quan bưu chính Đài Loan, anh **H** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Thị T**, xử cho chị **Nguyễn Thị T** xin được ly hôn anh **Lê Quốc h** là phù hợp với quy định tại các Điều 51, Điều 56, 58, 123 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về quan hệ con chung:*

Xét ý kiến, yêu cầu của chị **T** và cháu **V** thấy: Hiện nay cháu **V** đang sống cùng chị **T**, kể từ khi anh **H** sang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan, chị **T** đã lo lắng làm ăn, có thu nhập để chăm sóc nuôi dưỡng và đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập của con. Chị **T** có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **V**, anh **H** hiện nay đang sinh sống làm việc ở nước ngoài, không có mặt ở Việt Nam, nên khó có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **T**, giao con chung **Lê Ánh V**, sinh ngày 13/10/2011 cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu **V**; Về cấp dưỡng nuôi con, chị **T** yêu cầu anh **H** đóng góp 3.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy buộc anh **Lê Quốc H** cấp dưỡng nuôi con cùng chị **T** mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Thời gian thi hành kể từ tháng 10/2023 cho đến khi cháu **V** trưởng thành 18 tuổi.

[4] *Về quan hệ tài sản chung:* Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5]. *Về án phí và chi phí tố tụng khác:* Chị **Nguyễn Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 2.606.000 đồng chi phí ủy thác tổng đạt văn bản ra nước ngoài và đăng thông tin trên VOV5; anh **Lê Quốc H** phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; các Điều 228, 238, các Điều 469, 474, 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 121, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị **Nguyễn Thị T** được ly hôn anh **Lê Quốc H**.

2. *Về quan hệ con chung:* Xử giao cháu **Lê Ánh V**, sinh ngày 13/10/2011 cho chị **Nguyễn Thị T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh **Lê Quốc H** phải có trách nhiệm, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10/2023 cho đến khi cháu **V** trưởng thành 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về quan hệ tài sản, nợ chung:* Không xem xét.

4. *Về án phí, lệ phí:* Chị **Nguyễn Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 31AA/2021/0005160 ngày 06/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

- Lệ phí và chi phí tố tụng: Chị **Nguyễn Thị T** phải chịu 2.606.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí đăng thông tin trên Đ VOV5 (chị **T** đã nộp đủ tại Tòa án).

Anh **Lê Quốc H** phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Án sơ thẩm xử công khai chị **Nguyễn Thị T** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh **Lê Quốc H** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn